

Số: *1011*/UBND-LĐTBOXH

Triệu Sơn, ngày 29 tháng 5 năm 2017

V/v báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện  
kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông  
thôn, người khuyết tật năm 2017.

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 1571/SLĐTBOXH-DN ngày 19/5/2017 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc nhu cầu kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người khuyết tật năm 2017. UBND huyện Triệu Sơn xây dựng báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người khuyết tật năm 2017 như sau:

**I. KẾT QUẢ, HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN, LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2016**

**1. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016**

**a. Nghề nông nghiệp**

- Nghề nuôi ong mật: Tổng số người học: 52 người, trong đó: đối tượng 1: 52 người; đối tượng 2: .... người; đối tượng 3: ..... người.

+ Thời gian đào tạo: Dưới 03 tháng. Từ 25/10/2016 đến 25/12/2016

+ Địa điểm mở lớp: Xã Bình Sơn huyện Triệu Sơn

+ Cơ sở dạy nghề: Doanh nghiệp kinh doanh văn phòng phẩm, dạy nghề của người khuyết tật Thanh Hoa.

+ Phương án giải quyết việc làm sau đào tạo: Bao tiêu sản phẩm 24 tháng trở lên.

**b. Nghề phi nông nghiệp**

- Nghề làm nan gỗ xuất khẩu: Tổng số người học: 25 người, trong đó: đối tượng 1: .... người; đối tượng 2: .... người; đối tượng 3: 25 người.

+ Thời gian đào tạo: Dưới 03 tháng. Từ tháng 11/2016 đến 31/12/2016

+ Địa điểm mở lớp: Xã Thọ Sơn huyện Triệu Sơn

+ Cơ sở dạy nghề Doanh nghiệp kinh doanh văn phòng phẩm, dạy nghề của người khuyết tật Thanh Hoa.

+ Phương án giải quyết việc làm sau đào tạo: Bao tiêu sản phẩm 24 tháng trở lên

- Nghề Đan mũ bẹ ngô: Tổng số người học: 105 người, trong đó: đối tượng 1: 20 người; đối tượng 2: .... người; đối tượng 3: 85 người.

+ Thời gian đào tạo: Dưới 03 tháng. Từ tháng 11/2016 đến 31/12/2016

+ Địa điểm mở lớp: Xã Thọ Ngọc huyện Triệu Sơn

+ Cơ sở dạy nghề: Doanh nghiệp kinh doanh văn phòng phẩm, dạy nghề của người khuyết tật Thanh Hoa.

+ Kinh phí: 209.760.000đ

+ Phương án giải quyết việc làm sau đào tạo: Bao tiêu sản phẩm 24 tháng trở lên.

## **2. Dạy nghề cho người khuyết tật năm 2016**

- Nghề đan mũ bẹ ngô: Tổng số người học: 20 người

+ Thời gian đào tạo: Dưới 03 tháng từ 01/12/2016 đến 28/02/2017

+ Địa điểm mở lớp: Xã Dân Quyền huyện Triệu Sơn

+ Cơ sở dạy nghề: Doanh nghiệp kinh doanh văn phòng phẩm, dạy nghề của người khuyết tật Thanh Hoa.

+ Phương án giải quyết việc làm sau đào tạo: Bao tiêu sản phẩm 24 tháng trở lên.

## **3. Kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí hỗ trợ năm 2016: 758.659.000đồng;

+ Trung ương phân bổ: 500.000.000đồng;

+ Ngân sách huyện: 258.659.000đồng;

+ Nguồn khác: Không.

Cụ thể:

- Dạy nghề nông nghiệp: 350.340.000 đồng

Trong đó: - Trung ương phân bổ: 140.000.000đồng;

- Ngân sách huyện: 210.340.000đồng;

- Nguồn khác: Không.

- Dạy nghề phi nông nghiệp: 318.319.000đồng

Trong đó: - Trung ương phân bổ: 270.000.000đồng;

- Ngân sách huyện: 48.319.000đồng;

- Nguồn khác: Không.

- Dạy nghề cho người khuyết tật: 90.000.000đồng

Trong đó: - Trung ương phân bổ: 90.000.000đồng;

- Ngân sách huyện: Không;

- Nguồn khác: Không.

## **4. Khó khăn vướng mắc; tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.**

Ban chỉ đạo huyện đã ban hành kịp thời các văn chỉ đạo thực hiện Đề án dạy nghề lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ - TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Chỉ đạo và phát huy được vai trò trách nhiệm của hệ thống quản lý Nhà nước về dạy nghề các cấp, hệ thống chính trị, xã hội các cấp tham gia tích cực trong công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm, kiểm tra giám sát thực hiện Đề án, đặc biệt là sự tham gia phối kết hợp có hiệu quả của các Trung tâm giáo dục cộng đồng tại các xã. Kết quả thực hiện Đề án nói chung, kết quả hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn nói riêng.

Trung tâm dạy nghề huyện đã được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề để phục vụ dạy nghề cho lao động nông thôn. Các thiết bị dạy nghề

cho lao động nông thôn như: thiết bị dạy nghề chăn nuôi - thú y, trồng nấm, may công nghiệp, điện dân dụng, cơ khí - hàn, tin học.

Giáo viên dạy nghề của Trung tâm dạy nghề huyện cơ bản đạt chuẩn theo quy định. Các cơ sở dạy nghề ngoài công lập (doanh nghiệp, hợp tác xã) chủ yếu là kèm cặp truyền nghề, dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng với các nghề thủ công mỹ nghệ. Đội ngũ giáo viên phần lớn là thợ lành nghề, số giáo viên dạy lý thuyết chuẩn hóa về chuyên môn và đã qua đào tạo nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, số giáo viên dạy thực hành đã qua lớp bồi dưỡng kỹ năng dạy học cho người dạy nghề.

Tồn tại, hạn chế: Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, song công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Việc triển khai công tác này còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với đặc điểm của từng vùng, miền, chưa gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội - quy hoạch nông thôn mới, cụ thể:

- Chưa gắn đào tạo nghề với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội để chuyển đổi cơ cấu lao động theo hướng giảm dần tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng dần lao động tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Một số nghề chưa phát huy hiệu quả sau đào tạo, người lao động sau khi học nghề chưa duy trì được nghề lâu dài.

- Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu: đội ngũ giáo viên chưa đảm bảo cơ cấu, chủng loại, thiếu giáo viên dạy nghề tích hợp (dạy lý thuyết và dạy thực hành) thiếu kinh nghiệm thực tế sản xuất.

- Về chương trình đào tạo nghề: Các cơ sở đào tạo nghề đã căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp & PTNT xây dựng chương trình dạy nghề. Tuy nhiên việc triển khai còn chậm, chưa sát thực với yêu cầu của thị trường lao động, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của người học nghề.

- Chưa tạo được sự gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo nghề và doanh nghiệp trong việc phối hợp đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình dạy nghề và sử dụng lao động sau đào tạo. Trung tâm dạy nghề huyện đã được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề song mới chỉ dạy nghề cho lao động nông thôn một số nghề theo kinh phí được giao, còn việc đào tạo nghề thường xuyên rất hạn chế do chất lượng đào tạo nghề chưa đáp ứng được thị trường lao động, dẫn đến việc thiết bị dạy nghề được đầu tư ít phát huy hiệu quả sử dụng.

- Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về đào tạo nghề tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chưa có cán bộ chuyên trách về công tác đào tạo nghề mà chỉ làm kiêm nhiệm. Công tác tuyên truyền tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn chưa sát thực tế. Nhận thức của một bộ phận người lao động về học nghề, làm nghề chưa đúng.

- Các phòng, ban, ngành chưa phối hợp chặt chẽ để thực hiện đúng với quy định hướng dẫn của cấp trên, và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Triệu Sơn đến năm 2020.

- Công tác xây dựng kế hoạch mở lớp, cấp kinh phí, quyết toán kinh phí lớp học còn chậm chưa đúng thời gian quy định.

- Công tác phối hợp giữa các phòng, ban ngành chưa chặt chẽ trong công tác lồng ghép tuyên truyền đào tạo.

- Công tác kiểm tra giám sát, chỉ đạo cơ sở, hướng dẫn cơ sở lập kế hoạch dạy nghề, khảo sát nhu cầu học nghề của Ban Chỉ đạo chưa thường xuyên.

- Công tác báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm và 5 năm còn chậm, chất lượng báo cáo còn thấp, chưa đúng với quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo.

#### **5. Kiến nghị, đề xuất**

- Đề nghị bố trí 1 biên chế theo dõi công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đề nghị tỉnh tiếp tục có chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề, kinh phí dạy nghề cho lao động nông thôn, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn

## **II. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN, LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2017**

### **1. Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

#### **1.1 Nghề nông nghiệp**

- Số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề: 140 lao động

- Kinh phí thực hiện: 258.000.000đồng.

#### **1.2 Nghề phi nông nghiệp**

- Số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề: 170 lao động

- Kinh phí thực hiện: 315.000.000đồng.

#### **1.2. Dạy nghề cho người khuyết tật**

- Số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề: 40 lao động

- Kinh phí thực hiện: 179.600.000đồng.

*(Có các mẫu phụ lục kèm theo)*

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, hỗ trợ./.

*Nơi nhận:* 

- Sở Lao động-TBXH (để báo cáo);

- Lưu: VT, LĐTĐBXH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Trung**

KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2016  
(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTĐXH ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: người

Số TT	Nghề đào tạo	Thời gian đào tạo	Cơ sở dạy nghề	Địa điểm đào tạo (Xã)	Số lớp	Tổng số	Số người được học nghề										Hiệu quả sau học nghề			Khai phí được hỗ trợ										
							Số người được học nghề						Số người được học nghề				Đã tiếp cận 2	Đã tiếp cận 3	Tổng số người học nghề	Được DN / đơn vị tuyển dụng	Được DN / đơn vị bảo hiểm sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, tổ dân phố, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ kinh doanh nghề nghiệp	Số người thuộc hộ kinh doanh có thu nhập ổn định	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Ngân sách khác	
							Số người được học nghề	Người được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ cận nghèo	Người thuộc hộ cận nghèo	Người thuộc hộ cận nghèo	Người thuộc hộ cận nghèo	Người thuộc hộ cận nghèo	Người thuộc hộ cận nghèo														Người thuộc hộ cận nghèo
1	2	3	4	5	6	7+9+15+16	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18-19+20+21+22	19	20	21	22	23	24	25=26+27+28	26	27	28			
<b>Tổng số</b>							<b>11</b>	<b>34</b>	<b>100</b>	<b>52</b>	<b>30</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>30</b>	<b>71</b>	<b>181</b>	<b>291</b>	<b>162</b>	<b>162</b>	<b>129</b>	<b>129</b>	<b>34</b>	<b>35</b>	<b>34</b>	<b>44.454</b>	<b>140.000</b>	<b>258.659</b>	<b>-</b>		
<b>A DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN</b>																														
I	Nghề nông nghiệp																													
1	Nghề chăm sóc sức khỏe gia đình	3 tháng	Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn	Xã Thọ Sơn	1	34	31	8																						
2	Nghề chăm sóc sức khỏe gia đình	3 tháng	Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn	Xã Thọ Sơn	1	35	17	1																						
3	Nghề chăm sóc sức khỏe gia đình	3 tháng	Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn	Xã Thọ Sơn	1	34	22	17																						
4	Nghề chăm sóc sức khỏe gia đình	3 tháng	Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn	Xã Thọ Sơn	1	26	10	2																						
5	Nghề nuôi ong mật	3 tháng	DNTNKD văn phòng phẩm dạy nghề người khuyết tật Thanh Hóa	Xã Bình Sơn	2	52	46	52																						
<b>II Nghề phi nông nghiệp</b>																														
1	Nghề đan mồi be gỗ	Dưới 3 tháng	DNTNKD văn phòng phẩm dạy nghề người khuyết tật Thanh Hóa	Xã Thọ Sơn	3	105	105	20																						
2	Nghề làm nón gõ xuất khẩu	Dưới 3 tháng	DNTNKD văn phòng phẩm dạy nghề người khuyết tật Thanh Hóa	Xã Thọ Sơn	1	25	10																							
3	Nghề may công nghiệp	3 tháng	Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn	Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn	1	33	32																							

Giải thích:

- Cột 2: Ghi cụ thể từng nghề đào tạo
- Cột 10, 11, 12, 13, 14: thường kể từ các đối tượng được thụ hưởng. Ví dụ: 1 người vừa là người dân tộc thiểu số vừa là người thuộc hộ nghèo và vừa là người khuyết tật đã học nghề thì thường kể cả cột 11, 12 và 14, tuy nhiên cột 9 chỉ tính là 1 đơn vị
- Mục B: DẠY NGHỀ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT. Các huyện được hỗ trợ kinh phí dạy nghề cho người khuyết tật báo cáo

Phụ lục 2

**KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ DẠY NGHỀ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2016**  
(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTĐXH ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Số TT	Nghề đào tạo	Thời gian đào tạo	Cơ sở dạy nghề	Địa điểm đào tạo (xã)	Số lớp	Trong đó: Nữ	Hiệu quả sau học nghề						Kinh phí thực hiện			Nguồn khác		
							Số người học xong	Số người có việc làm	Được doanh nghiệp/đơn vị tuyển dụng	Được doanh nghiệp/đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ sản xuất, HTX, doanh nghiệp	Thuộc bộ thoát nghèo	Số người thuộc hộ có thu nhập khá	Tổng số		Nghân sách TW	Nghân sách huyện
1	2	3	4	5	6	8	9	10=11+12+13+14	11	12	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20
	<b>Tổng số</b>				<b>1</b>	<b>12</b>	<b>0</b>			<b>20</b>					<b>53.200</b>	<b>53.200</b>		
1	Nghề đan mũ bẹ ngô	Dưới 03 tháng	DNTNKD vẫn phòng phẩm dạy nghề người khuyết tật Thanh Hoa	Xã Dân Quyền	1	12		20		20					53.200	53.200		

Phụ lục 3

NHU CẦU KINH PHÍ DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTBXH ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: người

Số TT	Tên nghề đào tạo cho lao động nông thôn	Thời gian đào tạo	Số lớp	Tổng số	Nữ	Số người được học nghề							Đối tượng 2	Đối tượng 3	Tổng số	Kinh phí thực hiện			
						Đối tượng 1				Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ cận nghèo				Nghân sách TW	Nghân sách huyện	Nguồn khác	
						Số người thực tế thuộc đối tượng 1	Người được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo										
1	2	3	4	5=7+12+13	6	7	8	9	10	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17			
	<b>Tổng số</b>		<b>8</b>	<b>315</b>	<b>53</b>	<b>76</b>	-	-	-	-	-	<b>64</b>	<b>175</b>	<b>573.000</b>	<b>165.000</b>	-			
I	<b>Nghề nông nghiệp</b>		<b>3</b>	<b>140</b>	<b>53</b>	<b>51</b>	-	-	-	-	-	<b>24</b>	<b>65</b>	<b>258.000</b>	<b>85.000</b>	-			
1	Nghề nuôi ong mắt	3 tháng	2	70	43	26						14	30	173.000					
3	Trồng và chăm sóc cây cảnh	3 tháng	1	70	10	25						10	35	170.000	85.000				
II	<b>Nghề phi nông nghiệp</b>		<b>5</b>	<b>175</b>	-	<b>25</b>	-	-	-	-	<b>40</b>	<b>110</b>	<b>395.000</b>	<b>315.000</b>	<b>80.000</b>	-			
1	Đan mũ bẹ ngô	Dưới 3 tháng	3	105		15					20	70	235.000	235.000					
2	Nghề may công nghiệp	3 tháng	2	70		10					20	40	160.000	80.000	80.000				

- Cột 8, 9, 10, 11: thống kê tất cả các đối tượng được thụ hưởng; Ví dụ: 1 người vừa là người dân tộc thiểu số vừa là người thuộc hộ nghèo và vừa là thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp đi học nghề thì thống kê cả cột 9, 10 và 11, tuy nhiên cột 7 chỉ tính là 1 người

Ghi chú:

Phụ lục 4

NHU CẦU KINH PHÍ DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTĐXH ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

TT	Nghề đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Số lớp	Số người học nghề	Trong đó: Nữ	Nhu cầu kinh phí				
						Tổng số	Ngân sách TW	Trong đó		Nguồn khác
								Ngân sách huyện	Ngân sách khác	
	<b>Tổng số</b>		2	40	0	179.600	179.600	0	0	
1	Nghề đan mũ bẹ ngô	Dưới 3 tháng	1	20		89.800	89.800			
2	Nghề lẵng hoa	Dưới 3 tháng	1	20		89.800	89.800			